

Số: 630 /BC-UBND

Lai Châu, ngày 07 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả giám sát, kiểm tra về hoạt động quản lý và
đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý năm 2025**

Thực hiện Công văn số 11442/BTC-DNNN ngày 31/7/2026 của Bộ Tài chính về đơn đốc gửi Báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra về hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo kết quả như sau:

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Có 03 doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu, Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu và Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè.

2. Doanh nghiệp có vốn Nhà nước gồm: 01 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu) và 02 doanh nghiệp có vốn Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ (Công ty Cổ phần Thương mại huyện Mường Tè và Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lai Châu).

Trong 06 doanh nghiệp nêu trên, có 05 doanh nghiệp đã lập và gửi Báo cáo tài chính năm 2025, Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025, Báo cáo của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp về Sở Tài chính; còn 01 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Thương mại huyện Mường Tè chưa lập và gửi báo cáo do Người đại diện theo pháp luật của Công ty đang thi hành án; doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có nợ thuế kéo dài, không hợp tác, đủ điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, nên Thuế cơ sở 4 tỉnh Lai Châu đã ban hành Công văn số 236A/TCS4-QLDN ngày 28/7/2026 đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, và Cơ quan đăng ký kinh doanh tỉnh Lai Châu đã ban hành Thông báo số QDVP/30396218, Quyết định số QHTH/10218589 ngày 31/7/2026 về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025 và Báo cáo của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp của 05 doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tổng hợp, đánh giá như sau:

(Có báo cáo chi tiết của từng doanh nghiệp kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V3, TH-CB (công khai thông tin doanh nghiệp);
- Sở Tài chính; Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, Kt8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]
Nguyễn Sỹ Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM TRA VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LAI CHÂU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

I. Kết quả giám sát hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước năm 2025

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 07/3/2025; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các báo cáo khác có liên quan, kết quả giám sát tài chính năm 2025 được tổng hợp như sau:

1. Về đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Năm 2025, bổ sung vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu là 437.135.917 đồng, trong đó:

- Bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư phát triển 339.000.000 đồng (Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024).

- Hoàn nhập vào kết quả kinh doanh năm 2025 số tiền 98.135.917 đồng từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã trích mà không sử dụng (Căn cứ khoản 3 Điều 35 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo).

2. Về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Việc thực hiện chiến lược phát triển, nhiệm vụ được giao và hoạt động đầu tư: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu tổ chức hoạt động kinh doanh xổ số theo chiến lược, định hướng phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt; tập trung thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng vé tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước. Hoạt động kinh doanh xổ số được thực hiện đúng quy định của pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương để đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội.

b) Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính

** Kết quả hoạt động kinh doanh*

- Tổng doanh thu có thuế GTGT: 112.399,26 triệu đồng (*Tổng doanh thu chưa có thuế GTGT 102.181,14 triệu đồng; các khoản giảm trừ doanh thu 13.327,97 triệu đồng; doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh xố số 88.853,17 triệu đồng; doanh thu hoạt động tài chính 967,64 triệu đồng; thu nhập khác 98,21 triệu đồng*); doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh xố số 88.853,17 triệu đồng, tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng chi phí: 88.851,02 triệu đồng, tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Chi phí kinh doanh xố số 74.813,81 triệu đồng, tăng 7,52% so với năm 2024; chi phí quản lý 13.893,21 triệu đồng, tăng 5,56% so với năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 968 triệu đồng, bằng 53,77% kế hoạch giao là 1.800 triệu đồng; giảm 14,34% so với năm 2024 là 1.130 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế sau khi loại trừ yếu tố khách quan là 1.310 triệu đồng, đạt 72,77% kế hoạch giao; tăng 15,92% so với năm 2024.

Qua kết quả giám sát cho thấy, doanh thu của Công ty tăng trưởng, tuy nhiên chi phí cũng tăng tương ứng, ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế sau khi loại trừ yếu tố khách quan đạt 72,77% kế hoạch năm và tăng 15,92% so với cùng kỳ năm 2024.

** Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời*

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = $968/27.728,84$ triệu đồng = 3,49%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) = $968/36.967,46$ triệu đồng = 2,62%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) = $968/88.853,17$ triệu đồng = 1,09%.

- Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần = $1113,79/88.853,17$ triệu đồng = 1,25%.

Mặc dù Công ty duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, các chỉ tiêu khả năng sinh lời (ROE, ROA, ROS) đều ở mức thấp, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn, tài sản và doanh thu chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là chi phí hoạt động tăng tương ứng với tốc độ tăng doanh thu, làm giảm tỷ suất lợi nhuận.

** Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2025*

- Luồng tiền vào 104.445,17 triệu đồng, bao gồm: Thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 82.955,11 triệu đồng, thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh 555,9 triệu đồng; thu từ thu hồi cho vay, bán lại các công cụ của đơn vị khác 20.000 triệu đồng, thu từ lãi cho vay 934,16 triệu đồng.

- Luồng tiền ra 105.994,6 triệu đồng, bao gồm: Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ 3.087,18 triệu đồng, chi trả cho người lao động 8.714,48 triệu đồng, nộp thuế TNDN 545,38 triệu đồng, chi khác cho hoạt động kinh doanh 73.647,56 triệu đồng; tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác 20.000 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: - 1.549,44 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 8.196,56 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ: 6.647,12 triệu đồng.

Mặc dù lưu chuyển tiền thuần trong kỳ âm 1.549,44 triệu đồng, Công ty vẫn duy trì số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm ở mức 6.647,12 triệu đồng, bảo đảm nhu cầu thanh toán ngắn hạn. Tuy nhiên, cần tiếp tục quản lý chặt chẽ dòng tiền nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

** Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu*

- Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản; việc mua sắm và trích khấu hao TSCĐ cơ bản đảm bảo quy định.

- Về tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Nợ phải thu đến 31/12/2025 là 815,87 triệu đồng, trong đó phải thu của khách hàng là 208,68 triệu đồng; các khoản phải thu khác là 607,19 triệu đồng (không có nợ phải thu khó đòi).

+ Nợ phải trả đến 31/12/2025 là 9.238,62 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn 8.635,03 triệu đồng (*phải trả người bán 18,5 triệu đồng; người mua trả tiền trước 2.315,4 triệu đồng; thuế và các khoản phải nộp ngân sách 2.254,1 triệu đồng; phải trả người lao động 2.482,44 triệu đồng; các khoản phải trả phải nộp khác 391,6 triệu đồng; dự phòng rủi ro trả thưởng 433,34 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi 739,96 triệu đồng*); nợ dài hạn 603,59 triệu đồng; không có nợ quá hạn.

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn (mã 100)/Nợ ngắn hạn (mã 310) = 28.447,09 / 8.635,03 triệu đồng = 3,29 lần lớn hơn 1.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] = (28.447,09-441,04)/ 8.635,03 = 3,24 lần lớn hơn 1.

Các hệ số thanh toán đều lớn hơn 1 lần, cho thấy Công ty có khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn và duy trì tính thanh khoản ở mức an toàn.

+ Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản = 9.238,62 triệu đồng/36.967,46 triệu đồng = 0,25 lần thấp hơn 01.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = 9.238,62 triệu đồng/27.728,84 triệu đồng = 0,33 lần thấp hơn 01

Các hệ số nợ phải trả thấp hơn 01 lần, cho thấy Công ty sử dụng vốn chủ sở hữu ở mức cao hơn nợ phải trả, áp lực tài chính không lớn.

3. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; phân phối lợi nhuận sau thuế; trích lập và sử dụng các quỹ

- Số năm trước chuyển sang là 2.454,38 triệu đồng, số phát sinh năm 2025 là 24.618,64 triệu đồng, số đã nộp trong năm là 24.537,88 triệu đồng, số còn lại chuyển năm 2026 là 2.085,14 triệu đồng. Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ được thực hiện theo Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan, UBND tỉnh đã cho ý kiến chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận của Công ty tại Công văn số 6362/UBND-KTN ngày 27/7/2026.

4. Bảo toàn và phát triển vốn: Từ kết quả kinh doanh và biến động vốn chủ sở hữu tại Công ty năm 2025 cho thấy: Năm 2025 Công ty là doanh nghiệp kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu cuối năm tăng so với đầu năm. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Công ty được xác định là doanh nghiệp bảo toàn vốn.

5. Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: Trong năm không phát hành trái phiếu, không vay các tổ chức tín dụng cũng như không vay các tổ chức và cá nhân khác.

6. Hoạt động đầu tư dự án, khoản đầu tư của doanh nghiệp: Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia là 934,16 triệu đồng cơ bản đảm bảo theo quy định.

7. Cho vay, cho thuê, thuê mua, mua, bán tài sản cố định

- Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác là 20.000 triệu đồng đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Công ty thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

8. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư vốn, cơ cấu lại vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và đầu tư ra nước ngoài: Không phát sinh.

9. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn: Không phát sinh.

10. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP: Không phát sinh.

11. Giám sát quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và các hoạt động khác

a) Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

- Chủ tịch Công ty cơ bản thực hiện quyền, trách nhiệm theo Điều 36 Luật số 68/2025/QH15, Điều 34 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

- Công ty tiếp tục duy trì mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; không phát sinh hoạt động cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong năm 2025.

b) Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Kiểm soát viên: Không phát sinh.

c) Giải trình của doanh nghiệp đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ của doanh nghiệp kiểm toán độc lập: Không phát sinh.

d) Tiếp nhận, xử lý báo cáo của Kiểm soát viên: Không phát sinh.

đ) Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chấm dứt hợp đồng đối với người quản lý doanh nghiệp: Không phát sinh.

e) Thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác: Việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật và phương án được cấp có thẩm quyền cho ý kiến.

g) Trách nhiệm chỉ đạo xây dựng các báo cáo theo khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Công ty cơ bản chấp hành việc lập, gửi báo cáo theo quy định.

II. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

Kết quả giám sát tài chính: Công ty có kết quả kinh doanh có lãi; vốn chủ sở hữu cuối năm tăng so với đầu kỳ; các hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều lớn hơn 01 lần; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 01 lần; vốn nhà nước được bảo toàn, có thể kết luận: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu an toàn về tài chính.

(Chi tiết tại Biểu số 02A kèm theo)

2. Kiến nghị

Đề nghị Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lai Châu thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Công ty theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu giám sát tài chính thường xuyên; kịp thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu khi có dấu hiệu mất an toàn tài chính.

- Xây dựng các giải pháp mở rộng thị trường tiêu thụ vé xổ số, nâng cao doanh thu; tăng cường kiểm soát chi phí, nhất là chi phí quản lý doanh nghiệp, phân đầu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận được giao và nâng cao các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn (ROE, ROA, ROS).

- Tăng cường quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả và dòng tiền; thực hiện đối chiếu, thu hồi công nợ đúng hạn, bảo đảm khả năng thanh toán và sử dụng vốn hiệu quả.

- Tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; thực hiện đầy đủ việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, công khai thông tin doanh nghiệp và kịp thời thực hiện các kiến nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán và Kiểm soát viên.

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM TRA VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ THỦY NÔNG LAI CHÂU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

I. Kết quả giám sát hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước năm 2025

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 07/3/2025; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các báo cáo khác có liên quan, kết quả giám sát tài chính năm 2025 được tổng hợp như sau:

1. Về đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Công ty bổ sung vốn điều lệ năm 2025 là 10.032.273.000 đồng (*Phê duyệt tại Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 19/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu*).

2. Về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu đề ra tại chiến lược phát triển, định hướng theo giai đoạn 05 năm và kế hoạch hàng năm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt về các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, nộp ngân sách; thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Nhà nước đặt hàng.

b) Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính

** Kết quả hoạt động kinh doanh*

- Tổng doanh thu năm 2025: 12.018,94 triệu đồng, bao gồm:
 - + Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: 12.000,71 triệu đồng.
 - + Doanh thu từ hoạt động tài chính 18,23 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 11.710,46 triệu đồng, bao gồm:
 - + Giá vốn 9.257,28 triệu đồng.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 2.326,5 triệu đồng.
 - + Chi phí khác: 119,58 triệu đồng.
 - + Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp: 7,1 triệu đồng.

Công ty thực hiện nhiệm vụ công ích theo chức năng, nhiệm vụ được giao nên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế không phải là tiêu chí trọng tâm để đánh giá hiệu quả hoạt động. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá doanh nghiệp trên cơ sở mức độ hoàn thành nhiệm vụ công ích, bảo đảm cân đối thu - chi, quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước đúng quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý doanh nghiệp. Năm 2025, Công ty duy trì hoạt động ổn định, doanh thu bảo đảm bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

** Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời*

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = $308,43/903.564,86$ triệu đồng = 0,034%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) = $308,43/903.566,59$ triệu đồng = 0,034%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) = $308,43/12.000,71$ triệu đồng = 2,57%.

- Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần = $435,16/12.000,71$ triệu đồng = 3,63%.

- Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên: Công ty thực hiện cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025 cho 9.866,29 ha, đạt 100% kế hoạch, doanh thu từ thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích 11.975 triệu đồng.

** Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2025*

- Luồng tiền vào 13.213,16 triệu đồng, bao gồm: Tiền thu từ bán hàng cung cấp dịch vụ và doanh thu khác 11.786 triệu đồng, thu khác từ hoạt động kinh doanh 1.408,93 triệu đồng, tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia 18,23 triệu đồng.

- Luồng tiền ra 14.261,03 triệu đồng, bao gồm: Chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ 4.197,47 triệu đồng, chi trả cho người lao động 4.366,45 triệu đồng, nộp thuế TNDN 9,66 triệu đồng; chi khác cho các hoạt động sản xuất kinh doanh 5.687,45 triệu đồng;

- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: - 1.047,87 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm: 8.395,85 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm: 7.347,98 triệu đồng.

Công ty có lưu chuyển tiền thuần âm 1.047,87 triệu đồng do tổng luồng tiền chi lớn hơn tổng luồng tiền thu. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm đạt 7.347,98 triệu đồng, cơ bản bảo đảm khả năng thanh toán và đáp ứng nhu cầu hoạt động. Công ty cần tiếp tục tăng cường quản lý dòng tiền, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

** Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu*

- Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản; việc mua sắm và trích khấu hao TSCĐ cơ bản đảm bảo quy định.

- Về tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Nợ phải thu đến 31/12/2025 là 1.195,37 triệu đồng, trong đó: Phải thu ngắn hạn khách hàng 1.091,74 triệu đồng; phải thu ngắn hạn khác 103,63 triệu đồng.

+ Nợ phải trả đến 31/12/2025 là 6.660,61 triệu đồng, chủ yếu các khoản phải trả ngắn hạn, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán.

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn (mã 100)/Nợ ngắn hạn (mã 310) $8.649,93/6.656,08$ triệu đồng = 1,3 lần lớn hơn 01 lần.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] = $(8.649,93-0)/6.656,08$ triệu đồng = 1,3 lần lớn hơn 01 lần.

Các hệ số thanh toán đều lớn hơn 01 lần, cho thấy Công ty có khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn và duy trì tính thanh khoản ở mức an toàn.

+ Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản: $6.660,61$ triệu đồng/ $910.227,2$ triệu đồng = 0,0073 lần thấp hơn 01 lần.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: $6.660,61$ triệu đồng/ $903.566,59$ triệu đồng = 0,0074 lần thấp hơn 01 lần.

Các hệ số nợ phải trả thấp hơn 01 lần, cho thấy Công ty sử dụng vốn chủ sở hữu ở mức cao hơn nợ phải trả, áp lực tài chính không lớn.

3. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; phân phối lợi nhuận sau thuế; trích lập và sử dụng các quỹ

- Số thuế năm trước chuyển sang 4,35 triệu đồng, số phát sinh trong kỳ 34,35 triệu đồng, số đã nộp 17,91 triệu đồng, số còn lại phải nộp chuyển năm

sau 20,79 triệu đồng. Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 phê duyệt trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 75.970.961 đồng, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính ban hành Công văn số 5034/STC-QLDN&ĐKKD ngày 05/8/2026 đề nghị Công ty giải trình làm rõ theo ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.

4. Bảo toàn và phát triển vốn: Từ kết quả kinh doanh và biến động vốn chủ sở hữu tại Công ty năm 2025 cho thấy: Năm 2025 Công ty là doanh nghiệp kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu cuối năm tăng so với đầu năm. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Công ty được xác định là doanh nghiệp bảo toàn vốn.

5. Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: Trong năm không phát hành trái phiếu, không vay các tổ chức tín dụng cũng như không vay các tổ chức và cá nhân khác.

6. Hoạt động đầu tư dự án, khoản đầu tư của doanh nghiệp: Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia 18,23 triệu đồng cơ bản đảm bảo theo quy định.

7. Cho vay, cho thuê, thuê mua, mua, bán tài sản cố định

- Năm 2025, Công ty không thực hiện việc cho vay.

- Năm 2025, Công ty thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

8. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn: Không phát sinh.

9. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư vốn, cơ cấu lại vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và đầu tư ra nước ngoài: Không phát sinh.

10. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP: Không phát sinh.

11. Giám sát quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và các hoạt động khác

a) Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

- Chủ tịch Công ty chưa thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm theo quy định tại Điều 36 Luật số 68/2025/QH15, Điều 34 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

- Công ty tiếp tục duy trì hình thức Công ty TNHH Một thành viên, không thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, do vậy Chủ tịch Công ty không phải thực hiện quyền, trách nhiệm trong hoạt động cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Chủ tịch Công ty thực hiện chưa đảm bảo các quyền, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Kiểm soát viên

- UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5174/UBND-KTN ngày 05/9/2025 về thực hiện Kết luận thanh tra việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tại Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu năm 2023-2024. Kết quả, Công ty đã thực hiện hoàn thành 100% các kiến nghị xử lý về trách nhiệm và công tác quản lý theo yêu cầu của Thanh tra tỉnh Lai Châu tại Kết luận thanh tra số 1292/KL-TTr ngày 22/8/2025 (*theo Thông báo số 367/TB-TTr ngày 06/02/2026 của Thanh tra tỉnh Lai Châu*).

c) Giải trình của doanh nghiệp đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ của doanh nghiệp kiểm toán độc lập: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Công ty đang thực hiện giải trình theo ý kiến tại Công văn số 5034/STC-QLDN&ĐKKD ngày 05/8/2026 của Sở Tài chính đề nghị Công ty giải trình làm rõ theo ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.

d) Tiếp nhận, xử lý báo cáo của Kiểm soát viên: Cơ quan đại diện chủ sở hữu tiếp nhận, xem xét các báo cáo của Kiểm soát viên và chỉ đạo xử lý các kiến nghị theo quy định.

đ) Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chấm dứt hợp đồng đối với người quản lý doanh nghiệp: Không phát sinh.

e) Thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác: Việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người lao động thực hiện chưa đảm bảo theo quy định (*đề nghị giải trình rõ ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm 2025 tại Công văn số 5034/STC-QLDN&ĐKKD ngày 05/8/2026 của Sở Tài chính*)

g) Trách nhiệm chỉ đạo xây dựng các báo cáo theo khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Công ty cơ bản chấp hành việc lập, gửi báo cáo theo quy định.

II. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

Kết quả giám sát tài chính: Công ty có kết quả kinh doanh có lãi; hoàn thành 100% nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đặt hàng của Nhà nước; các hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều lớn hơn 01 lần; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 01 lần; vốn nhà nước được bảo toàn, có thể kết luận: Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu an toàn về tài chính.

(Chi tiết tại Biểu số 02A kèm theo)

2. Kiến nghị

Đề nghị Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu thực hiện các nội dung sau:

- Trình UBND tỉnh ban hành Điều lệ và hoạt động của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và khoản 1 Điều 34 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.
- Tiếp tục hoàn thiện phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 3567/SNV-QLLD-VL ngày 05/8/2026.
- Ban hành đầy đủ các quy chế của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.
- Quản lý chặt chẽ tài sản, công nợ phải thu, nợ phải trả; thực hiện đối chiếu, xác nhận và thu hồi công nợ đúng hạn; duy trì các hệ số thanh toán ở mức an toàn.
- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đặt hàng của Nhà nước; bảo đảm chất lượng dịch vụ, hiệu quả khai thác công trình và sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí được giao.
- Tăng cường quản lý dòng tiền, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí được Nhà nước đặt hàng; kiểm soát chi phí sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước
- Khẩn trương giải trình làm rõ ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty; báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh và Sở Tài chính theo yêu cầu.
- Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn chế độ báo cáo, công khai thông tin và các kiến nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán và Kiểm soát viên.

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM TRA VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

I. Kết quả giám sát hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 07/3/2025; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các báo cáo khác có liên quan, kết quả giám sát tài chính năm 2025 được tổng hợp như sau:

1. Về đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Không phát sinh.

2. Về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Việc thực hiện chiến lược phát triển, nhiệm vụ được giao và hoạt động đầu tư: Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè tổ chức hoạt động kinh doanh theo chiến lược, định hướng phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt; tập trung thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, giảm lỗ và nộp ngân sách nhà nước. Hoạt động kinh doanh được thực hiện đúng quy định của pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

b) Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính

** Kết quả hoạt động kinh doanh*

- Tổng doanh thu đạt 2.417,76 triệu đồng, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.950,44 triệu đồng, bằng 91,44% kế hoạch giao là 2.133 triệu đồng; giảm 1,39% so với thực hiện năm 2024 (1.978 triệu đồng).

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 2,98 triệu đồng.

+ Thu nhập khác: 464,34 triệu đồng.

- Tổng chi phí: 5.602,88 triệu đồng, trong đó:

+ Giá vốn hàng bán: 4.346,47 triệu đồng (Trích khấu hao TSCĐ: 3.244,04 triệu đồng).

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 772,07 triệu đồng.

+ Chi phí khác: 484,34 triệu đồng.

* *Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời*: Doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ chủ yếu do chi phí khấu hao tài sản cố định lớn; theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, Công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính.

* *Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2025*

- Luồng tiền vào: 3.067,96 triệu đồng, bao gồm:

+ Thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: 2.584,75 triệu đồng.

+ Thu khác từ hoạt động kinh doanh: 480,23 triệu đồng.

+ Thu lãi cho vay: 2,98 triệu đồng.

- Luồng tiền ra: 2.953,13 triệu đồng, bao gồm:

+ Chi trả cung cấp dịch vụ: 611,25 triệu đồng.

+ Trả người lao động: 968,66 triệu đồng.

+ Chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 1.373,22 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần trong năm: 114,83 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm: 1.676,77 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm: 1.791,6 triệu đồng.

Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm dương 114,83 triệu đồng, tuy nhiên mức tăng còn thấp so với quy mô dòng tiền phát sinh, cho thấy khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh còn hạn chế. Doanh nghiệp cần tiếp tục tăng cường công tác quản lý dòng tiền, kiểm soát chi phí, đẩy mạnh thu hồi công nợ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm cải thiện khả năng tạo tiền, bảo đảm an toàn tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

* *Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu*

- Về quản lý tài sản: Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định về phân cấp quản lý tài sản. Năm 2025 đã lập sổ sách mua sắm và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Trong quản lý tài sản đã nêu cao tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng tài sản có hiệu quả.

- Về tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Nợ phải thu đến ngày 31/12/2025 là 384,85 triệu đồng, trong đó phải thu của khách hàng là 643,86 triệu đồng; dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là -259 triệu đồng).

+ Nợ phải trả đến ngày 31/12/2025 là 688,72 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn 688,72 triệu đồng (*thuế và các khoản phải nộp ngân sách 345,1 triệu đồng; phải trả người lao động 136,5 triệu đồng; phải trả ngắn hạn khác 0,12 triệu đồng; vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 207 triệu đồng*); không có nợ dài hạn; không có nợ quá hạn.

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn (mã 100)/Nợ ngắn hạn (mã 310) = $2.256,98/688,72$ triệu đồng = 3,28 lần lớn hơn 01 lần

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] = $(2.256,98-0)/688,72$ = 3,28 lần lớn hơn 01 lần.

Các hệ số thanh toán đều lớn hơn 01 lần, cho thấy Công ty có khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn và duy trì tính thanh khoản ở mức an toàn.

+ Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản = $688,72/14.806,7$ triệu đồng = 0,046 lần thấp hơn 01 lần.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: $688,72/14.117,98$ triệu đồng = 0,049 lần thấp hơn 01 lần.

Các hệ số nợ phải trả thấp hơn 01 lần, cho thấy Công ty sử dụng vốn chủ sở hữu ở mức cao hơn nợ phải trả, áp lực tài chính không lớn.

3. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; phân phối lợi nhuận sau thuế; trích lập và sử dụng các quỹ

- Số năm trước chuyển sang 348,78 triệu đồng, số phát sinh năm 2025 là 877,01 triệu đồng, số đã nộp trong năm là 880,7 triệu đồng, số còn lại chuyển năm 2026 là 345,1 triệu đồng. Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ: Không phát sinh do Công ty kinh doanh không có lãi.

4. Bảo toàn và phát triển vốn: Từ kết quả kinh doanh và biến động vốn chủ sở hữu tại Công ty năm 2025 cho thấy: Năm 2025, Công ty là doanh nghiệp kinh doanh không có lãi, vốn chủ sở hữu cuối năm giảm so với đầu năm. Công ty được xác định là doanh nghiệp không bảo toàn vốn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; nguyên nhân chủ yếu do chi phí khấu hao tài sản cố định lớn làm phát sinh lỗ trong năm. UBND tỉnh đã chỉ

đạo Sở Tài chính ban hành Công văn số 5054/STC-QLDN&ĐKKD ngày 06/8/2026 đề nghị làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm dẫn đến doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính và đề xuất giải pháp khắc phục.

5. Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: Trong năm không phát hành trái phiếu, không vay các tổ chức tín dụng cũng như không vay các tổ chức và cá nhân khác.

6. Hoạt động đầu tư dự án, khoản đầu tư của doanh nghiệp: Thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia là 2,98 triệu đồng.

7. Cho vay, cho thuê, thuê mua, mua, bán tài sản cố định

- Công ty không thực hiện việc cho vay.
- Công ty đã lập sổ sách mua sắm và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ.

8. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư vốn, cơ cấu lại vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và đầu tư ra nước ngoài: Không phát sinh.

9. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn: Không phát sinh.

10. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP: Không phát sinh.

11. Giám sát quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và các hoạt động khác

- a) Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp
 - Chủ tịch Công ty cơ bản thực hiện quyền, trách nhiệm theo Điều 36 Luật số 68/2025/QH15, Điều 34 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.
 - Công ty tiếp tục duy trì mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; không phát sinh hoạt động cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong năm 2025.
- b) Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Kiểm soát viên: Không phát sinh.
- c) Giải trình của doanh nghiệp đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ của doanh nghiệp kiểm toán độc lập: Không phát sinh.

d) Tiếp nhận, xử lý báo cáo của Kiểm soát viên: Cơ quan đại diện chủ sở hữu tiếp nhận, xem xét các báo cáo của Kiểm soát viên và chỉ đạo xử lý các kiến nghị theo quy định.

đ) Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chấm dứt hợp đồng đối với người quản lý doanh nghiệp: Không phát sinh.

e) Thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác: Việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật và phương án được cấp có thẩm quyền cho ý kiến.

g) Trách nhiệm chỉ đạo xây dựng các báo cáo theo khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Công ty cơ bản chấp hành việc lập, gửi báo cáo theo quy định.

II. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

Qua kết quả giám sát cho thấy, Công ty kinh doanh thua lỗ, vốn nhà nước không được bảo toàn; tuy nhiên doanh nghiệp vẫn duy trì khả năng thanh toán ngắn hạn, hệ số nợ ở mức thấp và không phát sinh nợ quá hạn. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thua lỗ là chi phí khấu hao tài sản cố định lớn. Căn cứ kết quả giám sát tài chính và quy định tại Điều 20 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè thuộc trường hợp **có dấu hiệu mất an toàn tài chính** do lỗ lũy kế lớn hơn 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu.

(Chi tiết tại Biểu số 02A kèm theo)

2. Kiến nghị

Đề nghị Chủ tịch Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp; rà soát, ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ Điều lệ, quy chế tài chính và các quy chế quản lý nội bộ theo quy định.

- Tăng cường kiểm soát chi phí, nhất là chi phí quản lý doanh nghiệp; có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu giảm lỗ hằng năm.

- Đề nghị làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm dẫn đến doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính và đề xuất giải pháp khắc phục theo Công văn số 5054/STC-QLDN&ĐKKD ngày 06/8/2026 của Sở Tài chính.

- Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn chế độ báo cáo, công khai thông tin và các kiến nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán và Kiểm soát viên.

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM TRA VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Thông tin chung về doanh nghiệp

a) Các thông tin cơ bản

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200000230, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/7/2025 do Sở Tài chính tỉnh Lai Châu cấp.

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt; thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông; quản lý, vận hành các công trình thủy điện; đầu tư các dự án cấp nước.

- Số điện thoại: 02133 876 297.

b) Vốn điều lệ: 215.865,14 triệu đồng, với cơ cấu nguồn vốn là: Nhà nước nắm giữ 97,85%; cổ đông khác nắm giữ 2,15% (toàn bộ là người lao động trong Công ty).

c) Vốn thực góp đến 31/12/2025: Theo giá trị trên Báo cáo tài chính, tổng giá trị là 215.865,14 triệu đồng. Trong đó: Phần vốn của Nhà nước nắm giữ là 211.219,14 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 97,85%.

d. Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp

- Công ty lựa chọn cơ cấu quản trị theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị: Gồm có 5 thành viên (01 chủ tịch, 04 thành viên).

- Ban kiểm soát: Gồm 3 thành viên (01 Trưởng ban, 02 thành viên).

2. Thông tin về người đại diện

- Số lượng người đại diện: 01 người.

- Họ và tên: Ông Vi Văn Chung.

- Giá trị tài chính được cử đại diện (đến thời điểm báo cáo): 211.219.140.000 đồng, chiếm tỷ lệ: 97,85%.

II. Kết quả giám sát hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước năm 2025

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 31/3/2025; Công văn số 1220/UBND-KTN ngày 24/3/2025 về việc ủy quyền cho Người đại diện phần vốn nhà nước tham gia ý kiến, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các báo cáo khác có liên quan, kết quả giám sát tài chính năm 2025 được tổng hợp như sau:

1. Về đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Không.

2. Về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Việc thực hiện chiến lược phát triển, nhiệm vụ được giao và hoạt động đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức hoạt động kinh doanh theo chiến lược, định hướng phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty; tập trung thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước. Hoạt động kinh doanh được thực hiện đúng quy định của pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

b) Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính

** Kết quả hoạt động kinh doanh*

- Tổng doanh thu: 48.447,2 triệu đồng, tăng 6,69% so với năm 2024 bao gồm: Doanh thu bán hàng 47.775,3 triệu đồng; doanh thu từ hoạt động tài chính 648,21 triệu đồng; thu nhập khác 23,69 triệu đồng.

- Tổng chi phí: 48.035,3 triệu đồng, tăng 5,48% so với năm 2024, bao gồm: Giá vốn hàng bán 39.818,57 triệu đồng; chi phí bán hàng 173,61 triệu đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp 7.849,95 triệu đồng; chi phí khác 86,95 triệu đồng; chi phí thuế TNDN hiện hành 102,17 triệu đồng; chi phí tài chính 4,04 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 514,07 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 411,9 triệu đồng.

Doanh thu năm 2025 của Công ty tăng 6,69% so với năm 2024, trong khi tốc độ tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng doanh thu. Công ty hoạt động

kinh doanh có lãi, tuy nhiên lợi nhuận còn thấp; cần tiếp tục tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

** Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời*

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = $411,9/217.319,7$ triệu đồng = 0,19%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = $411,9$ triệu đồng/ $237.080,49$ triệu đồng = 0,17%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) = $411,9$ triệu đồng/ $47.775,29$ triệu đồng = 0,86%.

Công ty kinh doanh có lãi, tuy nhiên các chỉ tiêu sinh lời (ROE, ROA, ROS) đều ở mức thấp, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn và tài sản chưa cao.

** Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2025*

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh gồm:

+ Luồng tiền vào: 27.812,76 triệu đồng, bao gồm: Lợi nhuận trước thuế 514,07 triệu đồng, khấu hao tài sản cố định 18.724,4 triệu đồng, chi phí lãi vay 4,04 triệu đồng; các khoản điều chỉnh khác 113,6 triệu đồng; hàng tồn kho 1.553,85 triệu đồng; các khoản phải trả 633,69 triệu đồng; tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh 47,8 triệu đồng; thu hồi cho vay bán công cụ nợ 4.390,27 triệu đồng; thu từ lãi cho vay 529,63 triệu đồng; thu từ đi vay 1.301,4 triệu đồng

+ Luồng tiền ra: 27.976,05 triệu đồng, bao gồm: lỗ hoạt động đầu tư 648,21 triệu đồng; các khoản phải thu 508,95 triệu đồng; chi phí trả trước 645,54 triệu đồng; tiền lãi vay đã trả 4.04 triệu đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 160,88 triệu đồng; chi khác từ hoạt động kinh doanh 38,04 triệu đồng; chi phí mua sắm tài sản cố định 15.729,15 triệu đồng; chi cho vay mua công cụ nợ 8.705,26 triệu đồng; chi trả gốc vay 1.291,29 triệu đồng; cổ tức lợi nhuận đã trả cho vốn chủ sở hữu 244,68 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: -163,29 triệu đồng.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 235,87 triệu đồng.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ: 72,58 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty dương, phản ánh hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo được dòng tiền. Tuy nhiên, do phát sinh dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính, lưu chuyển tiền thuần

trong kỳ âm 163,293 triệu đồng, làm số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ giảm so với đầu năm.

** Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu*

- Việc quản lý tài sản:

Công ty thực hiện theo Quyết định số 30/QĐ-CTN ngày 30/11/2016 về việc Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng TSCĐ, CCDC theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 21/5/2021 về việc ban hành Quy chế và sử dụng xe ô tô; Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 20/02/2024 về việc ban hành Quy chế mua sắm của Công ty.

- Việc quản lý nợ: Tổng các khoản phải thu của Công ty theo báo cáo tài chính trong năm 2025: 4.872.438.213 đồng, chủ yếu là các khoản thu ngắn hạn, an toàn. Tùy tình hình, tính chất các khoản nợ và những rủi ro có thể xảy ra, Công ty thực hiện phân tích, đánh giá, kiểm soát, trích lập dự phòng đảm bảo theo các quy định.

- Khả năng thanh toán nợ: Tổng các khoản nợ của Công ty đến hết ngày 31/12/2025: 19.760.786.611 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 19.730.086.611 đồng; nợ dài hạn là 30.700.000 đồng.

- Nợ quá hạn: Không có.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn (mã 100)/Nợ ngắn hạn (mã 310) $24.204,33/19.730,09$ triệu đồng = 1,23 lần lớn hơn 01 lần.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] = $(24.204,33-4.669,35)/19.730,09$ = 01 lần bằng 01 lần.

Các hệ số thanh toán đều lớn hơn hoặc bằng 01 lần cho thấy, Công ty có khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn và duy trì tính thanh khoản ở mức an toàn.

- Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản: $19.760,78$ triệu đồng/ $237.080,49$ triệu đồng = 0,08 lần thấp hơn 01.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: $19.760,78$ triệu đồng/ $217.319,7$ triệu đồng = 0,09 lần thấp hơn 01.

Các hệ số nợ phải trả thấp hơn 01 lần, cho thấy Công ty sử dụng vốn chủ sở hữu ở mức cao hơn nợ phải trả, áp lực tài chính không lớn.

3. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; phân phối lợi nhuận sau thuế; trích lập và sử dụng các quỹ

- Số thuế năm trước chuyển sang là 596,34 triệu đồng, số phát sinh phải nộp trong năm là 3.941,87 triệu đồng, số đã nộp trong kỳ là 4.114,64 triệu đồng, số còn lại phải nộp là 423,57 triệu đồng. Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định.

4. Bảo toàn và phát triển vốn

- Việc bảo toàn và phát triển vốn: Với số vốn điều lệ tại thời điểm thực hiện cổ phần là 215.865,14 triệu đồng. Trong đó: Vốn góp của Nhà nước là 211.219,14 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 97,85%.

- Vốn chủ sở hữu thực tế tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đến ngày 31/12/2025 theo giá trị trên báo cáo tài chính là 217.319,703 triệu đồng. Trong đó: Phần vốn của Nhà nước nắm giữ là 211.219,14 triệu đồng; vốn cổ đông 4.446 triệu đồng; cổ phiếu quỹ 200 triệu đồng; quỹ đầu tư phát triển là 955,172286 triệu đồng, lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là 699,382372 triệu đồng.

- Qua phân tích số liệu tài chính cho thấy, vốn nhà nước tại Công ty được bảo toàn, giá trị vốn chủ sở hữu cuối kỳ cao hơn vốn góp ban đầu; Công ty không để xảy ra mất vốn nhà nước trong năm 2025.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Công ty được xác định là doanh nghiệp bảo toàn vốn.

5. Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: Trong năm 2025, Công ty thực hiện huy động vốn vay với tổng số tiền trên 1,27 tỷ đồng để thanh toán tiền lương cho CBCNV và tiền vật tư cho các nhà cung cấp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đã thực hiện trả tất toán khoản vay vào ngày 11/02/2025.

6. Hoạt động đầu tư dự án, khoản đầu tư của doanh nghiệp

Công ty thực hiện đầu tư trên cơ sở kế hoạch tài chính và kế hoạch sản xuất, kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

* Đầu tư TSCĐ: Công ty thường xuyên khảo sát, xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, hiện đại hóa các nhà máy sản xuất nước để mở rộng phát triển hệ thống mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng dịch vụ

đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Các dự án, công trình được quản lý chặt chẽ, thực hiện đúng quy trình, quy định của nhà nước. Trong năm 2025 đã thực hiện đầu tư, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, phát triển mạng lưới cấp nước, mua sắm tài sản, trang thiết bị toàn Công ty với 22 hạng mục công trình, tổng mức đầu tư được phê duyệt là 23,35 tỷ đồng; trong đó giá trị xây lắp 15,3 tỷ đồng, mua sắm tài sản, trang thiết bị toàn Công ty, bảo trì hệ thống cấp nước tổng giá trị 8,05 tỷ đồng, khối lượng nghiệm thu hoàn thành năm 2025 đạt 17,29 tỷ đồng.

* Đầu tư tài chính ngắn hạn: 17,367.52 triệu đồng, tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia là 529,63 triệu đồng.

7. Cho vay, cho thuê, thuê mua, mua, bán tài sản cố định

- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác là 8.705,26 triệu đồng và tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác là 4.390,27 triệu đồng. Công ty thực hiện các khoản cho vay, đầu tư công cụ nợ theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ.

- Công ty thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

8. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư vốn, cơ cấu lại vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và đầu tư ra nước ngoài: Không phát sinh.

9. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn

- Chia cổ tức: Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty đạt 411,89 triệu đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ các năm trước chuyển sang là 287,48 triệu đồng, nâng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận lên 699,38 triệu đồng.

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Công ty đã xây dựng phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, mức chi trả cổ tức năm 2025 là 60% lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, ngày 19/5/2026 Công ty đã hoàn thành việc nộp phần cổ tức thuộc sở

hữu Nhà nước vào ngân sách nhà nước với số tiền 410,59 triệu đồng đảm bảo theo quy định.

- Tỷ lệ chia cổ tức/Mệnh giá cổ phần là 0,113%, tương ứng với 11,3 đồng/cổ phần.

10. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP: Không phát sinh.

11. Giám sát quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản có liên quan.

b) Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Không phát sinh.

c) Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng thuê đối với người quản lý doanh nghiệp: Không phát sinh.

d) Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của doanh nghiệp: Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật.

đ) Việc tuân thủ trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước trong công tác chỉ đạo xây dựng các báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Người đại diện phần vốn nhà nước cơ bản chấp hành quy định về chỉ đạo lập, gửi các báo cáo theo khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

III. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

Qua kết quả giám sát cho thấy, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu cơ bản chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi; các chỉ tiêu thanh khoản bảo đảm an toàn; hệ số nợ ở mức thấp; vốn nhà nước được bảo toàn. Tuy nhiên, hiệu quả sinh lời còn thấp so với quy mô vốn và tài sản, cần tiếp tục có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu được đánh giá là doanh nghiệp an toàn về tài chính.

(Chi tiết tại Biểu số 02B kèm theo)

2. Kiến nghị

Đề nghị Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu thực hiện hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ đạo Công ty xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh; có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện khả năng sinh lời và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước.
- Thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp về ngân sách nhà nước theo quy định.
- Tiếp tục tăng cường quản lý dòng tiền, công nợ phải thu, công nợ phải trả; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản nhằm cải thiện các chỉ tiêu sinh lời.
- Thực hiện quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 36 nghị định số 366/2025/NĐ-CP.
- Thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước; tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM TRA VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LAI CHÂU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp có vốn Nhà nước

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200000255, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 30/5/2024.
- Vốn điều lệ: 12.282.240.000 đồng.
- Vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đến thời điểm báo cáo: 3.655,48 triệu đồng, chiếm 29,76% vốn điều lệ.
- Cơ cấu quản trị doanh nghiệp:
 - + Hội đồng quản trị: 05 thành viên.
 - + Ban kiểm soát: 03 thành viên.
 - + Ban điều hành: Ban Giám đốc.
- + Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xây dựng và quản lý vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây xanh đô thị; quản lý vận hành điện chiếu sáng; quản lý nghĩa trang; ...

2. Thông tin người đại diện phần vốn nhà nước

- Số lượng người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 01 người.
- Họ và tên Người đại diện: Ông Bùi Thanh Khang - Phó Giám đốc.

II. Kết quả giám sát hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước năm 2025

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 31/3/2026 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các báo cáo khác có liên quan, kết quả giám sát tài chính năm 2025 được tổng hợp như sau:

1. Về đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Không phát sinh.

2. Về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Việc thực hiện chiến lược phát triển, nhiệm vụ được giao và hoạt động đầu tư: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lai Châu tổ chức hoạt động kinh doanh theo chiến lược, định hướng phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất,

kinh doanh hằng năm được thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty; tập trung thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước. Hoạt động kinh doanh được thực hiện đúng quy định của pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

b) Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính

** Kết quả hoạt động kinh doanh*

- Tổng doanh thu: 33.679,66 triệu đồng (*doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 33.501,26 triệu đồng; doanh thu hoạt động tài chính 92,68 triệu đồng; thu nhập khác 85,72 triệu đồng*); doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh là 33.488,26 triệu đồng tăng 45,78% so với năm 2024.

- Tổng chi phí: 33.662,04 triệu đồng, tăng 59,54% so với năm trước bao gồm: Chi phí giảm trừ doanh thu 13 triệu đồng; giá vốn hàng bán 29.234,93 triệu đồng; chi phí tài chính 13,56 triệu đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp 4.396,94 triệu đồng; chi phí thuế thu nhập hiện hành 3,6 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 17,62 triệu đồng, tăng 72,4% so với năm 2024.

Doanh thu năm 2025 của Công ty tăng so với năm 2024; Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Tuy nhiên, chi phí tăng cao, lợi nhuận sau thuế đạt thấp. Công ty cần tiếp tục tăng cường quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

** Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời*

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): $17,6 \text{ triệu đồng} / 12.610,4 \text{ triệu đồng} = 0,14\%$.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): $17,6 \text{ triệu đồng} / 17.534,2 \text{ triệu đồng} = 0,1\%$.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS): $17,6 \text{ triệu đồng} / 33.488,3 \text{ triệu đồng} = 0,05\%$.

Các chỉ tiêu sinh lời của Công ty năm 2025 đều ở mức rất thấp (ROE đạt 0,14%; ROA đạt 0,10%; ROS đạt 0,05%), cho thấy hiệu quả sử dụng vốn, tài sản và khả năng tạo lợi nhuận từ doanh thu còn hạn chế. Công ty cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị chi phí để cải thiện các chỉ tiêu sinh lời.

** Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2025*

- Luồng tiền vào 36.859,74 triệu đồng, bao gồm: Thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 33.152,56 triệu đồng; thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh 3.608,14 triệu đồng; thu từ thu hồi cho vay, bán lại các công cụ của đơn vị khác 6,36 triệu đồng; thu từ lãi cho vay 92,68 triệu đồng.

- Luồng tiền ra 37.003,14 triệu đồng, bao gồm: Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ 16.649,74 triệu đồng; chi trả cho người lao động 16.745,63 triệu đồng; tiền lãi vay đã trả 13,56 triệu đồng; nộp thuế TNDN 2,55 triệu đồng; chi khác cho hoạt động kinh doanh 3.584,03 triệu đồng; tiền chi cổ tức đã trả cho chủ sở hữu 7,67 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: - 143,4 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 772,49 triệu đồng.

- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ: 629,09 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty âm 143,40 triệu đồng, làm số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ giảm so với đầu năm. Công ty cần tiếp tục tăng cường quản lý dòng tiền, kiểm soát các khoản chi và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và ổn định nguồn vốn.

** Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu*

- Việc quản lý tài sản:

- Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản; việc mua sắm và trích khấu hao TSCĐ cơ bản đảm bảo quy định.

- Về tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Nợ phải thu đến 31/12/2025 là 8.652,69 triệu đồng, trong đó phải thu của khách hàng là 8.461,45 triệu đồng; trả trước cho người bán ngắn hạn 66,72 triệu đồng; các khoản phải thu khác là 124,52 triệu đồng (không có nợ phải thu khó đòi).

+ Nợ phải trả đến 31/12/2025 là 4.923,79 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn 4.923,79 triệu đồng (*phải trả người bán 332,07 triệu đồng; thuế và các khoản phải nộp ngân sách 698,33 triệu đồng; phải trả người lao động 3.473,92 triệu đồng; các khoản phải trả phải nộp khác 418,56 triệu đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi 0,9 triệu đồng*); nợ dài hạn 0 triệu đồng; không có nợ quá hạn.

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn (mã 100)/Nợ ngắn hạn (mã 310) = 9.352,56 triệu đồng/4.923,79 triệu đồng = 1,9 lần.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] = (9.352,56 - 0)/4.923,79 = 1,9 lần lớn hơn 01 lần.

Các hệ số thanh toán đều lớn hơn hoặc bằng 01 lần, cho thấy Công ty có khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn và duy trì tính thanh khoản ở mức an toàn.

- Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản = 4.923,79 triệu đồng/17.534,19 triệu đồng = 0,28 lần thấp hơn 01.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = 4.923,79 triệu đồng/12.610,4 triệu đồng = 0,39 lần thấp hơn 01.

Các hệ số nợ phải trả thấp hơn 01 lần cho thấy, Công ty sử dụng vốn chủ sở hữu ở mức cao hơn nợ phải trả, áp lực tài chính không lớn.

3. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; phân phối lợi nhuận sau thuế; trích lập và sử dụng các quỹ

- Số năm trước chuyển sang 474,82 triệu đồng, số phát sinh năm 2025 là 1.475,9 triệu đồng, số đã nộp trong năm là 1.264,79 triệu đồng, số còn lại chuyển năm 2026 là 685,93 triệu đồng. Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định.

4. Bảo toàn và phát triển vốn

Từ kết quả kinh doanh và biến động vốn chủ sở hữu tại Công ty năm 2025 cho thấy: Năm 2025 Công ty là doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Công ty được xác định là doanh nghiệp bảo toàn vốn.

5. Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: Không phát sinh.

6. Hoạt động đầu tư dự án, khoản đầu tư của doanh nghiệp: Không phát sinh.

7. Cho vay, cho thuê, thuê mua, mua, bán tài sản cố định

- Năm 2025, Công ty không thực hiện việc cho vay.

- Năm 2025, Công ty thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

8. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư vốn, cơ cấu lại vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và đầu tư ra nước ngoài: Không phát sinh.

9. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn

- Chia cổ tức: Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty đạt 17,6 triệu đồng. Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Công ty đã xây dựng phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, mức chi trả cổ tức năm 2025 là 40% lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị, ngày 15/3/2026 Công ty đã hoàn thành việc nộp phần cổ tức thuộc sở hữu Nhà nước vào ngân sách nhà nước với số tiền 7,04 triệu đồng.

- Tỷ lệ chia cổ tức/Mệnh giá cổ phần là 0,0573%, tương ứng với 5,73 đồng/cổ phần

10. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2026/NĐ-CP: Không.

11. Giám sát quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản có liên quan.

b) Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính ban hành Công văn số 5041/STC-QLDN&ĐKKD ngày 05/8/2026 về đề nghị Công ty thực hiện giải trình làm rõ ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm 2025.

c) Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng thuê đối với người quản lý doanh nghiệp: Không phát sinh kiến nghị, cảnh báo.

d) Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của doanh nghiệp: Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật.

đ) Việc tuân thủ trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước trong công tác chỉ đạo xây dựng các báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Người đại diện phần vốn nhà nước cơ bản chấp hành quy định về chỉ đạo lập, gửi các báo cáo theo khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

III. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

Qua kết quả giám sát cho thấy Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lai Châu cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi nhưng hiệu quả còn thấp; các chỉ tiêu thanh khoản bảo đảm an toàn, hệ số nợ ở mức thấp, vốn nhà nước được bảo toàn. Tuy nhiên, khả năng sinh lời còn hạn chế, cần tiếp tục có các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị chi phí.

2. Kiến nghị

Đề nghị Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lai Châu thực hiện hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ đạo Công ty xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh; có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện khả năng sinh lời và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước.

- Thực hiện nghiêm nội dung tại Công văn số 5041/STC-QLDN&ĐKKD ngày 05/8/2026 của Sở Tài chính về việc đề nghị Công ty giải trình, làm rõ ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính năm 2025.

- Thực hiện quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

- Thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước; tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

- Rà soát các nguyên nhân làm tăng chi phí, xây dựng giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.